

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 417/2024/DS-PT
Ngày 29-8-2024
V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;

Các Thẩm phán:

1. Ông Hà Chí Quốc;

2. Ông Trần Thanh Tòng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Gọn, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 25 và 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thị xã TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 388/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Minh N, sinh năm 1998; địa chỉ: số nhà C, khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Võ Hồ Anh T; năm sinh: 1994; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: luật sư Phạm Thanh Đ- Văn phòng luật sư Phạm Thanh Đ- thuộc đoàn luật sư Thành phố H – có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

2. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1947, địa chỉ: khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

4. Bà Huỳnh Thị Đ1, sinh năm 1956, Nơi ĐKKHKT: số 143/36/9, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

5. Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 1968– vắng mặt.

6. Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1983 – vắng mặt.

7. Anh Huỳnh Thanh L1, sinh năm 1989 – vắng mặt.

8. Anh Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1992 – vắng mặt.

9. Chị Phạm Hương G, sinh năm 1999 – vắng mặt.

10. Anh Huỳnh P, sinh năm 2002 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

11. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1947 (chết ngày 25-01-2023). Người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông H2:

12. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1961.

13. Chị Huỳnh Thị Hồng N2, sinh năm 1977.

14. Chị Huỳnh Thị Kim T5, sinh năm 1979.

15. Anh Huỳnh Công T6, sinh năm 1982.

16. Anh Huỳnh Thành C, sinh năm 1991.

17. Chị Huỳnh Thị Bích T7, sinh năm 1985.

18. Anh Huỳnh Công Đ2, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T4, chị N2, chị T5, anh T6, chị T7, anh Đ2: Anh Huỳnh Thành C, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

19. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953.

20. Chị Huỳnh Thị Kim Y, sinh năm 1991.

21. Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1981.

22. Anh Huỳnh Văn T8, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Chị Huỳnh Thị Mỹ H3, sinh năm 1974; địa chỉ: 4, đường F, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, chị Y, chị D, chị H3: Anh Huỳnh Văn T8, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh–

có mặt.

- *Người kháng cáo:*

+ Anh Huỳnh Minh N, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Minh N có người đại diện theo uỷ quyền, anh Võ Hồ Anh T trình bày:

Anh N là cháu ruột của ông Huỳnh Văn N1. Cha anh N là Huỳnh Văn P1; sinh năm: 1943; chết năm: 2020. Mẹ anh N là bà Thân Thị L2, cha mẹ anh N chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Ông P1, bà L2 cụ thể chung sống năm nào anh N không rõ. Ngoài anh N ra ông P1 không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Nguồn gốc phân đất tranh chấp do ông bà để lại cho cha anh N là ông P1 nhưng để lại năm nào thì anh N không rõ. Ông P1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cụ thể năm nào thì anh N không biết.

Tại đơn khởi kiện anh N yêu cầu được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của cha anh là ông Huỳnh Văn P1 để lại là phần đất diện tích 2.393,1m², thuộc thửa đất số 584, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu được hưởng toàn bộ căn nhà trên đất mà ông N1 đang quản lý sử dụng (riêng vật dụng và đồ đạc trong nhà anh N không tranh chấp).

Nay anh N thay đổi lại yêu cầu khởi kiện lại như sau: yêu cầu chia di sản thừa kế của cha anh N để lại đối với diện tích 1.604,5m², thuộc thửa đất số 584, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu được hưởng toàn bộ căn nhà trên đất mà ông N1 đang quản lý sử dụng (riêng vật dụng và đồ đạc trong nhà anh N không tranh chấp). Đối với các tài sản trên đất: Anh N đồng ý thanh toán lại giá trị tài sản của ông N1 trên đất là phần nhà phía sau theo giá hội đồng đã định. Anh N yêu cầu áp dụng thời hiệu chia di sản thừa kế đối với cụ G1 và cụ T9. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Huỳnh Văn N1 trình bày: Ông không xác định được anh N có phải là cháu ông hay không. Nhưng ông xác định ông Huỳnh Văn P1 là anh ruột của ông.

Nguồn gốc phân đất mà anh N đang tranh chấp là của cha mẹ ông là cụ Huỳnh Văn G2 (sinh năm: 1918, chết năm: 1968), cụ Phạm Thị T10 (sinh năm: 1921, chết năm: ngày 22 tháng 08 năm 1996) chết để lại. Cha mẹ ông có tất cả 09 người con gồm:

1. Huỳnh Văn L3, sinh năm 1942, chết năm 2014. Vợ ông L3 đã chết nhưng không nhớ tên và năm sinh, năm chết. Ông L3 có 04 người con gồm Huỳnh Văn T2, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thanh L1, Huỳnh Văn T11.

2. Huỳnh Văn P1, sinh năm 1943, chết năm 2020.

3. Huỳnh Văn H2, không nhớ năm sinh, chết năm 2003. Ông H2 có vợ tên Nguyễn Thị T4 và 06 người con gồm Huỳnh Thị Hồng N2, Huỳnh Thị Kim T5, Huỳnh Công T6, Huỳnh Thành C, Huỳnh Thị Bích T7, Huỳnh Công Đ2.

4. Huỳnh Thị H1.

5. Huỳnh Văn H4, sinh năm 1950, chết năm 1998. Ông H4 có vợ tên Nguyễn Thị B. Ông H4 có 04 người gồm: Huỳnh Thị Mỹ H3, Huỳnh Văn T8, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị Kim Y.

6. Huỳnh Văn H

7. Huỳnh Thị Đ1

8. Huỳnh Văn T1

9. Huỳnh Văn N1.

Ngoài ra cha mẹ ông không có con nuôi con riêng nào khác.

Khi còn sống cha mẹ tạo được hơn 1 héc ta đất diện tích cụ thể ông không rõ. Khi còn sống cha mẹ ông chưa phân chia đất cho các con. Khi cha mẹ chết không có để lại di chúc. Anh chị em trong gia đình chưa phân chia đất. Lí do ông P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông P1 sống cùng mẹ ông thời điểm kê khai làm thủ tục đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẹ ông đã già nên để cho ông P1 đi kê khai đăng ký và đứng tên. Sau khi ông P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã phân chia đất cho các chi gồm chi ông L3, chi bà H1, chi bà Đ1, chi ông T1 và ông P1 đã hưởng một phần còn lại bốn chi chưa được chia gồm chi ông H2, chi ông H4, chi ông H và ông.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu chia phần đất đang tranh chấp diện tích theo kết quả đo đạc của Tòa án là 1.604,5m², thuộc thửa đất số 584, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh chia cho bốn chi gồm chi ông H2, chi ông H4, ông H và ông, trong đó ông được hưởng một phần theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của anh N và ông N1 về họ tên cha mẹ, anh chị em trong gia đình là đúng.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp như lời trình bày của ông N1 là đúng. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu chia phần đất đang tranh chấp diện tích theo kết quả đo đạc của Tòa án là 1.604,5m², thuộc thửa đất số 584, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho bốn chi gồm chi ông H2, chi ông H4, ông N1 và ông, trong đó ông được hưởng một phần theo quy định pháp luật.

Người kế thừa quyền nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H2, đại diện người kế thừa quyền nghĩa vụ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H2 – anh Huỳnh Thành C trình bày:

Anh là con của ông Huỳnh Văn H2; sinh năm 1947; mất năm: ngày 25 tháng 01 năm 2023. Anh xác nhận lời trình bày của ông N1 về họ tên ông bà nội, cô chú trong gia đình là đúng.

Mẹ anh là bà Nguyễn Thị T4, cha mẹ chung sống năm nào anh không biết. Cha mẹ anh có tất cả 06 người con gồm Huỳnh Thị Hồng N2, Huỳnh Thị Kim T5, Huỳnh Công T6, Huỳnh Thành C, Huỳnh Thị Bích T7, Huỳnh Công Đ2. Ngoài ra cha mẹ anh không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp như lời trình bày của ông N1 là đúng. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Năm 2020 ông P1 có kêu cha anh về để phân chia cho một phần đất nhưng chưa làm thủ tục thì ông P1 đã chết. Việc ông P1 phân chia đất cho cha anh không có làm giấy tờ chỉ nói miệng.

Nay anh yêu cầu chia phần đất đang tranh chấp diện tích theo kết quả đo đạc của Tòa án là 1.604,5m², thuộc thửa đất số 584, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho bốn chi gồm chi ông H2 (cha của anh), chi ông H4, ông H và ông N1. Trong đó anh cùng mẹ và anh chị em được hưởng một phần thừa kế của cha anh là ông Huỳnh Văn H2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- anh Huỳnh Văn T8 trình bày:

Anh là con của ông Huỳnh Văn H4; sinh năm 1949; chết năm: 2002. Anh xác nhận lời trình bày của anh N và ông N1 về họ tên ông bà nội, cô chú trong gia đình là đúng.

Mẹ anh là bà Nguyễn Thị B, cha mẹ anh chung sống năm nào anh không biết. Cha mẹ anh có 04 người con gồm: Huỳnh Thị Mỹ H3, Huỳnh Văn T8, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị Kim Y. Ngoài ra cha mẹ anh không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp như lời trình bày của ông N1 là đúng. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Năm 2020 ông P1 có kêu gia đình anh về để phân chia cho một phần đất hưởng phần của cha anh là ông H4 nhưng chưa làm thủ tục thì ông P1 đã chết. Việc ông P1 phân chia đất cho cha anh không có làm giấy tờ chỉ nói miệng.

Nay anh yêu cầu chia phần đất đang tranh chấp diện tích theo kết quả đo đạc của Tòa án là 1.604,5m², thuộc thửa đất số 584, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho bốn chi gồm chi ông H2, chi ông H4 (cha anh), ông H và ông N1. Trong đó anh cùng mẹ và anh chị em được hưởng một phần thừa kế của cha anh là ông Huỳnh Văn H4.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1 trình bày thể hiện trong hồ sơ: Ông là em của ông P1, anh của ông N1. Ông được ông Phân t cho phần đất diện tích khoảng 402m² và nhận chuyển nhượng của ông P1 diện tích đất khoảng 1.000m² nên phần đất ông được cấp giấy khoảng 1.402m². Nay

ông không yêu cầu được chia thừa kế đối với phần đất đang tranh chấp và không tranh chấp phần đất trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 trình bày thể hiện trong hồ sơ: Bà là chị ruột của ông N1, cô ruột anh N. Khi ông P1 đứng tên phần đất của cha mẹ thì anh chị em trong gia đình biết nhưng do ông P1 không có vợ con nên vẫn để ông P1 đứng tên giấy đất mà không có ý kiến phản đối gì cả. Còn về anh N thì do ông P1 và mẹ anh N sống với nhau nhưng không công khai nên anh chị em cũng không ai biết. Đến sau này ông P1 mới nói anh N là con ruột của ông nhưng hai bên cũng không có qua lại. Cha mẹ bà sống trên phần đất anh N tranh chấp từ xưa đến nay. Khi sống trên đất cha mẹ có dựng ngôi nhà thiết cột cây, nhưng sau đó nhà bị hư hỏng đến năm 2015 bà Đ1 xây lại 01 căn nhà để làm nhà thờ và để ông P1 ở. Sau khi ông P1 chết thì ông N1 về ở và xây thêm phần nhà phía sau và nhà vệ sinh.

Bà không đồng ý theo ý kiến của anh N vì đất này không phải là tài sản riêng của ông P1 mà là tài sản chung của cha mẹ bà để lại chưa chia. Bà yêu cầu chia làm 04 phần cho 04 anh chị em bà chưa được hưởng phần của cha mẹ gồm: Huỳnh Văn H4; Huỳnh Văn H; Huỳnh Văn H2 và Huỳnh Văn N1. Ông P1 đã hưởng phần nhiều đã bán lấy tiền rồi.

Bà không yêu cầu chia thừa kế phần đất này và cũng không yêu cầu được hưởng thừa kế vì bà đã được hưởng 01 phần rồi ông Phân tách giấy sang tên 01 phần ngang 04m dài 62m, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi, nhưng được cấp giấy đất năm nào bà không nhớ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Đ1 trình bày thể hiện trong hồ sơ: Bà là em ruột ông P1, chị ruột ông N1. Họ tên cha mẹ, anh chị em như lời ông N1 trình bày là đúng. Bà không đồng ý theo ý kiến của anh N vì đất này không phải là tài sản riêng của ông P1 mà là tài sản chung của cha mẹ bà là cụ G2, cụ T10 để lại chưa chia. Bà yêu cầu chia làm 04 phần cho 04 anh chị em bà chưa được hưởng phần của cha mẹ gồm: Huỳnh Văn H4; Huỳnh Văn H; Huỳnh Văn H2 và Huỳnh Văn N1. Ông P1 đã hưởng phần nhiều đã bán lấy tiền rồi.

Bà không yêu cầu chia thừa kế và cũng không yêu cầu được hưởng thừa kế phần đất này vì bà đã được hưởng 01 phần do ông Phân tách giấy sang tên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi. Trường hợp nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không đồng ý giao tài sản cho nguyên đơn, không đồng ý để nguyên đơn thanh toán giá trị. Bà cũng không đồng ý thương lượng thỏa thuận. Nhà này bà để cho ông N1 làm nhà thờ đót nhang cho ông bà tổ tiên, bà không đồng ý giao cho anh N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T2 trình bày thể hiện trong hồ sơ: Anh là cháu ruột của ông N1. Anh biết anh N là con của ông Huỳnh Văn P1 là chú ruột anh. Cha anh tên Huỳnh Văn L3, sinh năm 1941, chết năm 2014, mẹ anh bà Huỳnh Thị N3 chết năm 2021. Cha mẹ anh có tất cả 04

người con gồm: Huỳnh Văn T2, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thanh L1, Huỳnh Thanh T3. Cha anh đã được nhận 01 phần thừa kế của anh bà nội để lại rồi diện tích cụ thể anh không nhớ, giấy đất hiện do cha anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay anh N yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1.604,5m² thuộc thửa 584, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, anh không yêu cầu được chia thừa kế phần đất trên và cũng không nhận thừa kế phần đất này do cha anh đã được hưởng thừa kế của ông bà nội anh rồi. Để lại cho các cô chú chưa có được hưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị L trình bày thể hiện trong hồ sơ: Chị là cháu ruột của ông N1. Chị biết anh N là con của ông Huỳnh Văn P1 là chú ruột chị. Cha chị tên Huỳnh Văn L3, sinh năm 1941, chết năm 2014, mẹ chị bà Huỳnh Thị N3 chết năm 2021. Cha mẹ chị có tất cả 04 người con gồm: Huỳnh Văn T2, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thanh L1, Huỳnh Thanh T3. Cha chị đã được nhận 01 phần thừa kế của chị bà nội để lại rồi diện tích cụ thể chị không nhớ, giấy đất hiện do cha chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Chị không yêu cầu được chia thừa kế phần đất đất trên và cũng không nhận thừa kế phần đất này do cha chị đã được hưởng thừa kế của ông bà nội rồi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thanh L1 trình bày thể hiện trong hồ sơ: Anh là cháu ruột của ông N1. Anh biết anh N là con của ông Huỳnh Văn P1 là chú ruột anh. Cha anh tên Huỳnh Văn L3, sinh năm 1941, chết năm 2014, mẹ anh bà Huỳnh Thị N3 chết năm 2021. Cha mẹ anh có tất cả 04 người con gồm: Huỳnh Văn T2, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thanh L1, Huỳnh Thanh T3. Cha anh đã được nhận 01 phần thừa kế của anh bà nội để lại rồi diện tích cụ thể anh không nhớ, giấy đất hiện do cha anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay anh không yêu cầu được chia thừa kế phần đất đất trên và cũng không nhận thừa kế phần đất này do cha anh đã được hưởng thừa kế của ông bà nội anh rồi. Để lại cho các cô chú chưa có được hưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thanh T3 trình bày thể hiện trong hồ sơ: Anh là cháu ruột của ông N1. Anh biết anh N là con của ông Huỳnh Văn P1 là chú ruột anh. Cha anh tên Huỳnh Văn L3, sinh năm 1941, chết năm 2014, mẹ anh bà Huỳnh Thị N3 chết năm 2021. Cha mẹ anh có tất cả 04 người con gồm: Huỳnh Văn T2, Huỳnh Thị L, Huỳnh Thanh L1, Huỳnh Thanh T3. Cha anh đã được nhận 01 phần thừa kế của anh bà nội để lại rồi diện

tích cụ thể anh không nhớ, giấy đất hiện do cha anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Nay anh không yêu cầu chia thừa kế phần đất đất trên và cũng không nhận thừa kế phần đất này do cha anh đã được hưởng thừa kế của ông bà nội anh rồi. Để lại cho các cô chú chưa có được hưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh P trình bày thể hiện trong hồ sơ: Anh là con ông N1, đang sống cùng ông N1 trên phần đất tranh chấp. Anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Hương G trình bày thể hiện trong hồ sơ: Chị là con dâu của ông N1, đang sống cùng anh P và ông N1 trên phần đất tranh chấp. Đất là của bên chồng nên tùy theo quyết định của cha chồng là ông N1.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân Thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh N về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với ông Huỳnh Văn N1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn H, Bà Nguyễn Thị B; chị Huỳnh Thị Mỹ H3, anh Huỳnh Văn T8, chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Kim Y về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với ông Huỳnh Văn N1.

3. Di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn G2 và cụ Phạm Thị T10 được phân chia như sau:

- Ông Huỳnh Văn N1 được quyền sở hữu căn nhà diện tích 65,8m² và các công trình phụ kèm theo và được quyền sử dụng diện tích đất: 844,9m², là một phần thửa 584, tờ bản đồ 45 (BĐ 2005), loại đất 200m² ODT+HNK; tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, trị giá: 422.450.000 đồng. Có tứ cận:

Đông giáp thửa 584 và lối đi nội bộ dài 20,43m+5,60m+3m;

Tây giáp thửa 597 dài 23,63m;

Nam giáp phần đất chia cho chi ông H4 (gồm bà B, chị Y, chị D, anh T8) dài 44,16m;

Bắc giáp đất thửa 584 dài 7,80m+5,99m+21,16m.

- Chi ông Huỳnh Văn H4 gồm: bà Nguyễn Thị B; chị Huỳnh Thị Mỹ H3, anh Huỳnh Văn T8, chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Kim Y được quyền sử dụng diện tích đất: 221,1m², là một phần thửa 584, tờ bản đồ 45 (BĐ 2005), loại đất 100m² ODT+HNK; tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, trị giá: 110.550.000 đồng. Có tứ cận:

Đông giáp phần chia cho ông H dài 05m;

Tây giáp thửa 597, đất bà C1 dài 3,14m+1,88m;

Nam giáp phần đất chia cho chi ông H dài 44,07m;

Bắc giáp đất chia cho ông N1 dài 44,16m.

- Ông Huỳnh Văn H được quyền sử dụng diện tích đất: 395,4m², là một phần thửa 584, tờ bản đồ 45 (BĐ 2005), loại đất 100m² ODT+HNK; tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, trị giá: 197.700.000 đồng. Có tứ cận:

Đông giáp đất ông N4 dài 9,48m;

Tây giáp đất bà C1 dài 5,20m;

Nam giáp phần đất ông N4 dài 5,77m+ 25,46m+17,40m;

Bắc giáp đất chia cho chi ông H4 (gồm bà B, chị Y, chị D, anh T8) dài 44,07m+ 5m+3m.

- Phần lối đi chung diện tích đất: 143,1m², là một phần các thửa 584, 607, 585, tờ bản đồ số 45 (BĐ 2005), loại đất: HNK, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, C2 tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 2,79m+1,60m;

Tây giáp phần chia cho ông N1 dài 03m;

Nam giáp phần chia cho chi ông H4 (gồm bà B, chị Y, chị D, anh T8), phần chia cho ông H, thửa 607 dài 03m+03m+ 42,44m;

Bắc giáp thửa 584, 585 dài 8,59m+37,71m.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01841QSĐĐ/I3, do Ủy Ban nhân dân huyện T cấp ngày 13-12-1995 cấp cho ông Huỳnh Văn Phân c lại cho các đương sự theo quyết định của bản án này.

4. Buộc bà Nguyễn Thị B; chị Huỳnh Thị Mỹ H3, anh Huỳnh Văn T8, chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Kim Y có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Minh N số tiền 37.480.000 (ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Minh N số tiền 35.590.000 (ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn N1 số tiền 15.970.000 (mười lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn H2 gồm: bà Nguyễn Thị T4, chị Huỳnh Thị Hồng N2, chị Huỳnh Thị Kim T5, anh Huỳnh Công T6, anh Huỳnh Thành C, chị Huỳnh Thị Bích T7, anh Huỳnh Công Đ2 01 suất thừa kế với số tiền 73.070.000 (bảy mươi ba triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Yêu cầu kháng cáo:

1. Ngày 10/7/2024, anh Huỳnh Minh N kháng cáo, yêu cầu xác định quyền sử dụng diện tích đất 1.604,5m², thuộc thửa đất số 584, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh do cha anh là ông Huỳnh Văn P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đó là di sản của cha anh để lại, đề nghị Tòa án Tỉnh Tây Ninh sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Võ Hồ Anh T là đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Minh N giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Minh N, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án Trảng Bàng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh N, giao toàn bộ tài sản là nhà đất hiện ông Huỳnh Văn N1 đang quản lý sử dụng cho anh Huỳnh Minh N được quyền sở hữu, sử dụng, vì đó là di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn P1 để lại và anh N là hàng thừa kế thứ nhất duy nhất.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh N trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp không phải là di sản thừa kế của cụ G2 cụ T10 mà là di sản của ông Huỳnh Văn P1, cha anh N, do ông P1 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có khiếu nại hay tranh chấp của anh em ông P1.

Giả sử việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P1 mà có sai sót thì ông P1 vẫn là người sử dụng đất ngay tình, công khai, liên tục trên 40 năm, không bị tranh chấp. Việc ông P1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay tặng cho người khác không làm thay đổi quyền sử dụng đất của ông P1... Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án Trảng Bàng theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh N đối với ông Huỳnh Văn N1.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Minh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thị xã TB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của anh Huỳnh Minh N hợp lệ theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh N, thấy rằng:

Phần đất tranh chấp qua đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ có diện tích 1.604,5m², thuộc thửa đất số 584, 585, 607, tờ bản đồ 45, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn P1 có số vào sổ: 01841QSDĐ/I3 ngày 13-12-1995; trị giá: 802.250000 đồng.

Anh N xác định đó là Di sản thừa kế của cha anh là ông Huỳnh Văn P1 để lại và yêu cầu được nhận thừa kế. Tuy nhiên, trên thực tế ông P1 chung sống cùng cha mẹ là Cụ Huỳnh Văn G2 (sinh năm: 1918, mất năm: 1968), cụ Phạm Thị T10 (sinh năm: 1921, mất ngày 22 tháng 08 năm 1996). Cụ G2 và cụ T10 có 9 người con, toàn bộ diện tích đất do ông P1 đứng tên là của cha mẹ, chưa phân chia cho bất kỳ người con nào, ông P1 sống cùng mẹ, không có vợ con, nên đã được cả gia đình thống nhất để ông đứng tên kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, vì cha đã mất, mẹ đã già yếu.

Năm 1995, khi kê khai, đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông P1 khai nguồn gốc đất là thừa kế, không phải do khai phá, hay được tặng cho, năm 1996 cụ T10 chết, anh chị em của ông P1 xác nhận trước khi chết cụ T10 chưa phân chia tài sản cho các con.

Trong quá trình sử dụng đất, ông P1 có tặng cho, chuyển nhượng cho các anh em khác trong gia đình, cụ thể ngày 10/12/2007 tặng cho ông Huỳnh Văn L3 diện tích đất 2.577,7m², ngày 30/10/2012 chuyển nhượng cho ông T1 diện tích 1.402m², chuyển nhượng cho bà Đ1 292,1m², tặng cho bà H1 251,4m², do đó các ông bà này không tranh chấp và không yêu cầu được chia thừa kế.

Từ khi sinh ra anh N không sống tại nhà đất tranh chấp mà sống với bà L2 (mẹ anh N) ở khu phố L, nhà đất do anh N và bà lang tự mua và xây dựng, bà L2 thừa nhận ông P1 có cùng nuôi con và có đưa 40.000.000đ Bốn mươi triệu đồng) để xây dựng hàng rào nhà của hai mẹ con.

Nhà đất tranh chấp do ông N1 đang quản lý, sử dụng, ông N1 và các anh chị em thống nhất nhà trên đất do bà Đ1 chi tiền xây dựng, do nhà cũ của cụ T10 và ông P1 sống đã không còn, anh N cho rằng nhà do ông P1 cha anh xây dựng,

tuy nhiên anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh là nhà do ông P1 xây dựng.

Như vậy, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là tài sản của cụ G2 cụ T10 để lại nhưng để cho ông P1 đứng tên để sau này phân chia lại cho các người con khác của hai cụ, không phải là tài sản riêng của ông P1, và cấp sơ thẩm tiến hành chia phần đất này cho hàng thừa kế của cụ G2 cụ T10 là có căn cứ

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Văn N1 trình bày cho đến khi anh N khởi kiện thì ông mới biết anh N là con ông Huỳnh Văn P1, vì từ trước ông không gặp anh N lần nào, khi ông P1 già yếu anh chị em ông cùng nhau chăm sóc, anh N không trực tiếp chăm sóc cho ông P1... Từ khi sinh ra anh N sống cùng mẹ ruột là bà L2, không chung sống với ông P1, hiện tại anh N và bà L2 có nhà đất sống ổn định, bà L2 thừa nhận quá trình chung sống ông P1 có phụ nuôi con, khi mua đất, xây nhà ông P1 có cho 40.000.000đ để xây hàng rào. Năm 1995, do mẹ già yếu, không biết chữ, ông P1 sống cùng mẹ, không có vợ con (năm 1996 khi mẹ mất ông P1 chưa sống với và L2) nên gia đình thống nhất để ông P1 kê khai, đăng ký tài sản của cha mẹ để sau này chia lại cho anh em, xét thấy lời trình bày của ông N1 và các anh em ông P1 là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, các anh em của ông P1 thống nhất khi còn sống ông P1 vẫn có ý định tách thửa sang tên QSD đất của cha mẹ cho những người chưa được chia, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhu cầu sử dụng đất của từng hộ để chia Di sản thừa kế của cụ G2 cụ T10 theo quy định là có căn cứ. Vì vậy, anh N kháng cáo yêu cầu được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất tranh chấp và căn nhà phía trước vì cho rằng đây là tài sản riêng của cha anh để lại là không có cơ sở chấp nhận.

Xét lời trình bày của luật sư, như đã nhận định không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Minh N giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Yêu cầu kháng cáo của anh N không được Tòa án chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 anh N phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Minh N

2. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 55 /DSST ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân Thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 và Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điều 165, 166, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh N về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với ông Huỳnh Văn N1.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn H, Bà Nguyễn Thị B; chị Huỳnh Thị Mỹ H3, anh Huỳnh Văn T8, chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Kim Y về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với ông Huỳnh Văn N1.

2.3. Di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn G2 và cụ Phạm Thị T10 được phân chia như sau:

- Ông Huỳnh Văn N1 được quyền sở hữu căn nhà diện tích $65,8m^2$ và các công trình phụ kèm theo và được quyền sử dụng diện tích đất: $844,9m^2$, là một phần thửa 584, tờ bản đồ 45 (BĐ 2005), loại đất $200m^2$ ODT+HNK; tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, trị giá: 422.450.000 đồng. Có tứ cận:

Đông giáp thửa 584 và lối đi nội bộ dài $20,43m+5,60m+3m$;

Tây giáp thửa 597 dài $23,63m$;

Nam giáp phần đất chia cho chi ông H4 (gồm bà B, chị Y, chị D, anh T8) dài $44,16m$;

Bắc giáp đất thửa 584 dài $7,80m+5,99m+21,16m$.

- Chi ông Huỳnh Văn H4 gồm: bà Nguyễn Thị B; chị Huỳnh Thị Mỹ H3, anh Huỳnh Văn T8, chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Kim Y được quyền sử dụng diện tích đất: $221,1m^2$, là một phần thửa 584, tờ bản đồ 45 (BĐ 2005), loại đất $100m^2$ ODT+HNK; tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, trị giá: 110.550.000 đồng. Có tứ cận:

Đông giáp phần chia cho ông H dài $05m$;

Tây giáp thửa 597, đất bà C1 dài $3,14m+1,88m$;

Nam giáp phần đất chia cho chi ông H dài $44,07m$;

Bắc giáp đất chia cho ông N1 dài $44,16m$.

- Ông Huỳnh Văn H được quyền sử dụng diện tích đất: 395,4m², là một phần thửa 584, tờ bản đồ 45 (BĐ 2005), loại đất 100m² ODT+HNK; tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, trị giá: 197.700.000 đồng. Có tứ cận:

Đông giáp đất ông N4 dài 9,48m;

Tây giáp đất bà C1 dài 5,20m;

Nam giáp phần đất ông N4 dài 5,77m+ 25,46m+17,40m;

Bắc giáp đất chia cho giáp phần đất chia cho chi ông H4 (gồm bà B, chị Y, chị D, anh T8) dài 44,07m+ 5m+3m.

- Phần lối đi chung diện tích đất: 143,1m², là một phần các thửa 584, 607, 585, tờ bản đồ số 45 (BĐ 2005), loại đất: HNK, tọa lạc tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, C2 tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 2,79m+1,60m;

Tây giáp phần chia cho ông N1 dài 03m;

Nam giáp phần chia cho chi ông H4 (gồm bà B, chị Y, chị D, anh T8), phần chia cho ông H, thửa 607 dài 03m+03m+ 42,44m;

Bắc giáp thửa 584, 585 dài 8,59m+37,71m.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ cấp GCN: 01841QSĐĐ/I3, do Ủy Ban nhân dân huyện T cấp ngày 13-12-1995 cấp cho ông Huỳnh Văn Phân c lại cho các đương sự theo quyết định của bản án này.

2.4. Buộc bà Nguyễn Thị B; chị Huỳnh Thị Mỹ H3, anh Huỳnh Văn T8, chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Kim Y có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Minh N số tiền 37.480.000 (ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Huỳnh Minh N số tiền 35.590.000 (ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Văn N1 số tiền 15.970.000 (mười lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn H2 gồm: bà Nguyễn Thị T4, chị Huỳnh Thị Hồng N2, chị Huỳnh Thị Kim T5, anh Huỳnh Công T6, anh Huỳnh Thành C, chị Huỳnh Thị Bích T7, anh Huỳnh Công Đ2 01 suất thừa kế với số tiền 73.070.000 (bảy mươi ba triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Chi phí tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị B; chị Huỳnh Thị Mỹ H3, anh Huỳnh Văn T8, chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Kim Y có nghĩa vụ trả lại cho anh Huỳnh Minh N số tiền 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn H2 gồm: bà Nguyễn Thị T4, chị Huỳnh Thị Hồng N2, chị Huỳnh Thị Kim T5, anh Huỳnh Công T6, anh Huỳnh Thành C, chị Huỳnh Thị Bích T7, anh Huỳnh Công Đ2 có nghĩa vụ trả lại cho anh N số tiền 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả lại cho anh Huỳnh Minh N số tiền 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn) đồng.

- Ông Huỳnh Văn N1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Huỳnh Minh N số tiền 25.800.000 (hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Minh N phải chịu 3.653.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026659 ngày 16 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả lại anh N số tiền 2.596.500 (hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm) đồng.

- Ông Huỳnh Văn N1, ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T4 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

chị Huỳnh Thị Kim Y phải chịu chung số tiền 2.922.800 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015292 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, chị Huỳnh Thị Mỹ H3, anh Huỳnh Văn T8, chị Huỳnh Thị D, chị Huỳnh Thị Kim Y còn phải nộp thêm số tiền 1.672.800 (một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm) đồng.

- Chị Huỳnh Thị Hồng N2, chị Huỳnh Thị Kim T5, anh Huỳnh Công T6, anh Huỳnh Thành C, chị Huỳnh Thị Bích T7, anh Huỳnh Công Đ2 phải chịu chung số tiền 3.131.500 (ba triệu một trăm ba mươi một nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm:

- Anh Huỳnh Minh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0015671 ngày 15- 7- 2024, của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Anh N đã nộp xong án phí phúc thẩm dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- TAND TX TB;
- Chi cục THADS TB;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy